



CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax advisory
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 48

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đình Vinh

Chủ tịch

Bà Bùi Thị Hải Yến

Thành viên

Bà Nguyễn Minh Trang

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Bùi Thị Hải Yến

Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Minh Trang

Phó Tổng Giám đốc

**Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Bà Bùi Thị Hải Yến

Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**

Số 2 Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo, ✓



**Bùi Thị Hải Yến**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Số: 195 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hanel**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hanel (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 48 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

### Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đang ghi nhận phải thu tồn đọng nhiều năm với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G (gọi tắt là “N&G”) có giá trị khoảng 92,9 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là khoảng 97,9 tỷ VND), đồng thời, trong năm, đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền khoảng 14,5 tỷ VND. Tuy nhiên, nếu trích lập dự phòng theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì: (i) Trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, chỉ tiêu Dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu năm tăng thêm khoảng 60,5 tỷ VND (cuối năm tăng thêm khoảng 41 tỷ VND), chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đầu năm giảm khoảng 97,9 tỷ VND; (ii) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay sẽ giảm, Lợi nhuận trước thuế tăng cùng giá trị khoảng 19,5 tỷ VND (gồm hoàn nhập dự phòng 5 tỷ VND tương ứng số tiền nợ thu được trong năm); chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp năm trước giảm và Lợi nhuận trước thuế tăng cùng giá trị khoảng 42,4 tỷ VND.
- Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo tài chính của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị sau, cụ thể: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt, Công ty Cổ phần Biên Bạc, Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel, Công ty Cổ phần Tự động hóa và Cơ khí điện tử Hanel, Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tổng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên là khoảng 20,6 tỷ VND; giá trị dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trên đã được trích lập là khoảng 3,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lần lượt là khoảng 20,6 tỷ VND và 1,3 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính cũng như các điều chỉnh cần thiết bổ sung (nếu có) và ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho, dự án tồn đọng, chậm luân chuyển. Các bằng chứng thu thập được không đủ để chúng tôi đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các chỉ tiêu khác (nếu có) của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty hay không, cụ thể:

- Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sàn giao dịch vận tải (đang ghi nhận trên chỉ tiêu Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang) với số tiền khoảng 25,1 tỷ VND. Hiện tại, Công ty chưa ký được hợp đồng đầu ra tương ứng với các khoản chi phí đã bỏ ra này với các đối tác để có thể chuyển giao sản phẩm hình thành từ Dự án.
- Dự án Dịch vụ Truyền hình Hanel TV - IPTV (được ghi nhận trên chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trên báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel - công ty con của Công ty) với số tiền lần lượt là khoảng 3,6 tỷ VND và 5,6 tỷ VND.
- Dự án Open ERP và các thành phẩm được ghi nhận trên báo cáo tài chính của Cổ phần Giải pháp phần mềm Hanel - Công ty con của Công ty với tổng số tiền là khoảng 5,3 tỷ VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel - Công ty con của Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi với số tiền cần trích lập bổ sung là khoảng 7,8 tỷ VND. Nếu thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” và khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sẽ giảm cùng số tiền tương ứng.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hanel tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Các vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi xin lưu ý đến các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả thông tin cụ thể bổ sung cho báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

- Thuyết minh số 01 và Thuyết minh số 05 mô tả về việc Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt và Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long trên Chi tiêu Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Hanel tại các đơn vị trên thấp hơn 20%. Theo đó, Công ty không đánh giá lại các khoản đầu tư trên theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Thuyết minh số 24 mô tả về việc Công ty tạm phân phối lợi nhuận (cho các quỹ) năm 2022 theo Nghị quyết số 02/2023/NQHĐQT-HANEL ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Quản trị. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt vào kỳ đại hội thường niên năm 2023.
- Thuyết minh số 41.2 trình bày thông tin về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội; một số thửa đất, tài sản trên đất chưa được sắp xếp, xử lý nhà đất, theo đó, các lô, thửa đất và tài sản này có thể sẽ phải điều chỉnh (nếu có) theo các quyết định cụ thể của Cơ quan nhà nước.
- Thuyết minh số 41.3 trình bày thông tin chi tiết về việc áp dụng Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính trong ghi nhận, sử dụng các khoản tiền lãi nhận được từ Grupo De La Electronica - Cộng hòa Cu Ba, thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và việc ghi nhận doanh thu-chi phí tài chính trên cơ sở thận trọng theo dòng tiền thực tế thanh toán từ đối tác.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

*Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)*

- Thuyết minh số 42 trình bày thông tin về một số khoản tài sản và công nợ tiềm tàng liên quan đến khoản lãi phát sinh từ khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G, Grupo De La Electronica và CUBAELECTRONICA HAVANA CUBA, giá trị lợi thế của hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án tại 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội và giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m<sup>2</sup> tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m<sup>2</sup> của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty tại số 165 Thái Hà, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.



**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

**Vũ Mạnh Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2737-2023-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>945.694.462.211</b>	<b>833.197.763.940</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>129.194.569.405</b>	<b>121.212.251.119</b>
1. Tiền	111		68.089.911.686	28.954.918.125
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.104.657.719	92.257.332.994
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>519.386.113.943</b>	<b>367.056.500.001</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		519.386.113.943	367.056.500.001
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>179.067.587.091</b>	<b>221.305.005.139</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	167.809.392.854	186.103.120.779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.165.339.826	8.126.797.136
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	132.585.853.030	133.031.621.929
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(129.492.998.619)	(105.956.534.705)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>70.869.067.994</b>	<b>79.363.787.203</b>
1. Hàng tồn kho	141		71.016.124.794	79.510.844.003
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(147.056.800)	(147.056.800)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47.177.123.778</b>	<b>44.260.220.478</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.129.799.059	3.726.107.833
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		42.736.377.283	38.849.400.350
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	310.947.436	1.684.712.295
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.318.196.260.505</b>	<b>2.470.399.722.306</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>597.639.222</b>	<b>108.225.193.556</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	597.639.222	108.225.193.556
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.194.178.253</b>	<b>98.379.874.008</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	81.063.600.420	98.116.939.355
- Nguyên giá	222		432.988.224.790	434.590.364.585
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(351.924.624.370)	(336.473.425.230)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	130.577.833	262.934.653
- Nguyên giá	228		98.608.632.458	98.608.632.458
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(98.478.054.625)	(98.345.697.805)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>38.994.573.974</b>	<b>49.978.228.488</b>
- Nguyên giá	231		186.756.124.458	189.989.833.165
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(147.761.550.484)	(140.011.604.677)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>1.249.375.119.399</b>	<b>1.247.270.857.273</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		3.501.361.748	3.555.861.748
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.245.873.757.651	1.243.714.995.525
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>939.496.634.686</b>	<b>952.850.517.932</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		885.526.477.215	893.434.395.725
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		54.240.463.797	54.240.463.797
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.370.306.326)	(1.324.341.590)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		3.100.000.000	6.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.538.114.971</b>	<b>13.695.051.049</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.815.174.539	4.384.041.648
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	4.722.940.432	9.311.009.401
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.263.890.722.716</b>	<b>3.303.597.486.246</b>


Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>818.874.712.911</b>	<b>869.345.933.044</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>425.024.507.618</b>	<b>470.476.086.339</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	47.021.388.721	78.142.472.306
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	18.269.719.651	17.592.311.505
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	4.987.731.243	3.377.194.556
4. Phải trả người lao động	314		6.776.211.707	6.166.723.177
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	10.296.123.815	9.512.689.717
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	9.275.537.951	10.168.471.035
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	285.141.964.352	284.778.711.666
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	33.650.052.212	49.093.400.982
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		89.914.760	89.914.760
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.515.863.206	11.554.196.635
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>393.850.205.293</b>	<b>398.869.846.705</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	12.312.043.353	12.312.043.353
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	21	96.050.482.903	100.598.317.573
3. Phải trả dài hạn khác	337	22	23.654.663.360	23.064.826.727
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	250.227.248.641	249.735.328.234
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		11.605.767.036	13.159.330.818
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.445.016.009.805</b>	<b>2.434.251.553.202</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>2.445.016.009.805</b>	<b>2.434.251.553.202</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.926.000.000.000	1.926.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(17.944.000)	(17.944.000)
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(5.796.813.665)	(5.796.813.665)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		100.016.887.644	83.755.160.225
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		263.333.733.619	270.347.245.036
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		222.872.255.610	220.427.821.113
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		40.461.478.009	49.919.423.923
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		161.480.146.207	159.963.905.606
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.263.890.722.716</b>	<b>3.303.597.486.246</b>

  
Trần Thu Loan  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

  
Bùi Thị Lệ Kiều  
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

  
Bùi Thị Hải Yến  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		805.449.004.125	849.092.511.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	12.580.238
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	805.449.004.125	849.079.931.402
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	701.483.270.128	753.202.738.099
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		103.965.733.997	95.877.193.303
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	38.488.040.039	30.736.443.704
7. Chi phí tài chính	22	31	8.120.654.710	4.202.760.076
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.330.265.486	1.244.597.139
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		72.122.895.544	83.783.747.402
9. Chi phí bán hàng	25	32	26.153.222.688	22.483.641.541
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	92.687.808.449	107.250.486.009
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26) + 24}	30		87.614.983.733	76.460.496.783
12. Thu nhập khác	31	34	2.130.448.145	2.098.770.439
13. Chi phí khác	32	35	15.251.454.239	1.478.998.369
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(13.121.006.094)	619.772.070
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		74.493.977.639	77.080.268.853
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	10.626.419.438	7.868.754.129
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	37	3.034.505.186	(109.937.074)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		60.833.053.015	69.321.451.798
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		56.102.809.031	65.062.325.332
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.730.243.984	4.259.126.466
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	279	315

Trần Thu Loan  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Bùi Thị Lệ Kiều  
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ





Bùi Thị Hải Yến  
Tổng Giám đốc


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	74.493.977.639	77.080.268.853
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	25.321.576.725	30.743.735.640
- Các khoản dự phòng	03	25.582.428.650	51.369.976.345
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(265.430.241)	1.864.973.281
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(99.719.582.576)	(112.540.887.619)
- Chi phí lãi vay	06	2.330.265.486	1.241.210.379
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.743.235.683	49.759.276.879
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	119.627.674.722	59.176.981.944
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	8.549.219.209	674.528.645
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(28.411.913.211)	(18.944.531.993)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(203.360.997)	(116.707.527)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.077.512.256)	(924.487.107)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.903.695.218)	(9.589.420.778)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	27.927.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.264.542.060)	(3.282.541.655)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	110.059.105.872	76.781.025.408
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.203.393.534)	(13.389.862.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	4.025.604.715	96.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(513.420.693.732)	(494.699.696.145)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	370.961.423.350	385.705.213.779
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	106.308.928.226	80.676.766.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41.328.130.975)	(41.610.759.757)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	300.400.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	284.707.158.053	249.172.588.048
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(299.812.432.606)	(255.774.963.881)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.963.867.614)	(15.478.530.716)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(60.768.742.167)	(22.080.906.549)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	7.962.232.730	13.089.359.102
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	121.212.251.119	108.465.467.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	20.085.556	(342.575.657)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	129.194.569.405	121.212.251.119

  
Trần Thu Loan  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

  
Bùi Thị Lệ Kiều  
Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ

  
Bùi Thị Hải Yến  
Tổng Giám đốc



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hanel (“Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH MTV Hanel theo Quyết định số 5812 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Hanel.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 10 năm 2010; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 12 năm 2021. Vốn điều lệ của Công ty là 1.926.000.000.000 VND (tương đương với 192.600.000 cổ phần theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phần).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác;
- Bất động sản, hạ tầng khu công nghiệp.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con của Công ty bao gồm:

Công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ Quyền kiểm soát (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Hanel Xốp nhựa	Hà Nội	56,28%	56,28%	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa
Công ty CP Dịch vụ Khu công nghiệp Hanel	Hà Nội	58,75%	58,75%	Quản lý Khu công nghiệp
Công ty CP Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Đào tạo, dạy nghề
Công ty CP Công nghệ Thông tin Hanel	Hà Nội	66,23%	66,23%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel	Hà Nội	63,78%	63,78%	Kinh doanh thương mại
Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel	Hà Nội	83,71%	86,91%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty CP Truyền thông Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp dịch vụ viễn thông
Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel	Hà Nội	51,00%	51,00%	Cung cấp phần mềm
Công ty TNHH Dehaco	Hà Nội	96,38%	100,00%	Sản xuất điện tử, điện lạnh
Công ty TNHH ICD Hà Nội	Hà Nội	60,00%	60,00%	Khai thác kho, bãi
Công ty CP Công nghệ Hanel - DTT	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Hanel Mobile	Hà Nội	68,22%	83,40%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty TNHH HANEL - CSF	Hà Nội	43,27%	60,14%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	Hà Nội	58,08%	64,54%	Sản xuất thiết bị điện tử

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

*Các Công ty liên kết, liên doanh của Công ty bao gồm:*

Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền kiểm soát (%)	Ngành nghề kinh doanh
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Công nghệ thẻ NACENCOMM	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt	Hà Nội	10,21%	10,21%	Xây dựng công trình dân dụng
Công ty TNHH Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện tử
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	30,00%	30,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ
Công ty CP Vé giao thông công cộng Hà Nội	Hà Nội	25,00%	25,00%	Vận tải công cộng
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đồng bằng Sông Hồng)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Công nghệ thông tin, truyền thông
Công ty TNHH Hệ thống dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	10,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...
Công ty CP Cây thuốc và Hương liệu Việt	Hà Nội	12,76%	20,00%	Kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng, hợp chất thiên nhiên từ thảo dược

### **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **Chế độ Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Ban Lãnh đạo đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 15;
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b, và c trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

#### **Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

#### **Công cụ tài chính**

##### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

##### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### **Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:**

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có của bên nhận đầu tư nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại bên nhận đầu tư.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Thời gian sử dụng ước tính</b> (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản vô hình**

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, phần mềm, bằng sáng chế và tài sản cố định vô hình khác.

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

**Bằng sáng chế và thương hiệu**

Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Phần mềm máy tính**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính đang sử dụng tại Công ty và đang được khấu hao với thời gian đường thẳng.

**Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 02 đến 22 năm theo thời gian phân bổ doanh thu cho thuê.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

##### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng tài sản, văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 (ba) năm.

##### Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, doanh thu chưa thực hiện và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Doanh thu chưa thực hiện phản ánh các khoản doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ của Công ty sẽ phải thực hiện. Doanh thu chưa thực hiện của Công ty là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn góp của chủ sở hữu được xác định theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Trích lập các quỹ: Lợi nhuận sau thuế hàng năm của Công ty được phân phối vào các quỹ và bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Trích tối đa 30% quỹ đầu tư phát triển;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi không quá 03 (ba) tháng lương thực hiện;
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp không quá 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được chi trả cho người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm chi trả. Công ty đã thực hiện trích trước số tiền Dự phòng trợ cấp thôi việc vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ngày 27 tháng 6 năm 2017, tuy nhiên, không được cơ quan thuế và Chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm đó là UBND TP. Hà Nội chấp nhận là chi phí hợp lý và không được thực hiện bàn giao sang Công ty Cổ phần; Do đó, nếu thực hiện trích trước vào chi phí thì số trợ cấp thôi việc phải trả đối với các cán bộ công nhân viên hiện đang làm việc có thời gian lao động tại Công ty từ ngày 31 tháng 12 năm 2008 trở về trước còn làm việc đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị trợ cấp thôi việc ước tính sẽ là 1.166.630.467 VND.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Lãnh đạo về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong năm của Công ty bao gồm:

- Các công ty liên doanh, liên kết;
- Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.972.711.288	4.136.369.020
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.117.200.398	24.818.549.105
Các khoản tương đương tiền (i)	61.104.657.719	92.257.332.994
<b>Cộng</b>	<b>129.194.569.405</b>	<b>121.212.251.119</b>

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các ngân hàng thương mại.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
<b>a1) Ngắn hạn</b>	<b>519.386.113.943</b>	<b>519.386.113.943</b>	<b>367.056.500.001</b>	<b>367.056.500.001</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	354.260.512.217	354.260.512.217	199.726.808.221	199.726.808.221
- Chứng chỉ tiền gửi (ii)	163.435.601.726	163.435.601.726	162.729.691.780	162.729.691.780
- Trái phiếu (iii)	1.690.000.000	1.690.000.000	4.600.000.000	4.600.000.000
<b>a2) Dài hạn</b>	<b>3.100.000.000</b>	<b>3.100.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn (iv)	3.100.000.000	3.100.000.000	-	-
- Trái phiếu	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại từ trên 3 tháng đến 12 tháng tại các tổ chức tín dụng.
- (ii) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC.
- (iii) Khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Hanel - Công ty con của Công ty vào trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.
- (iv) Khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu.
- b) Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết**
- Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 xem tại Thuyết minh số 01 - Thông tin khái quát.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,  
Thành phố Hà Nội**MÃ SỐ B09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****b) Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết (Tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	Giá trị số sách (i)	Giá trị tăng thêm/giảm đi từ tài sản thuần của Công ty liên kết	Giá trị số sách (i)	Giá trị tăng thêm/giảm đi từ tài sản thuần của Công ty liên kết		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	703.460.497.405	182.065.979.810	885.526.477.215	703.460.497.405	189.973.898.320	893.434.395.725
Công ty CP Điện tử Hưng Phát (ii)	574.673.406	(321.340.222)	253.333.184	574.673.406	(321.340.222)	253.333.184
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel (ii)	600.000.000	-	600.000.000	600.000.000	-	600.000.000
Công ty CP Vé giao thông công cộng	517.776.481	72.828.839	590.605.320	517.776.481	59.706.948	577.483.429
Công ty CP Công nghệ Thẻ Nacencomm	3.626.660.221	(100.600.982)	3.526.059.239	3.626.660.221	(170.828.116)	3.455.832.105
Công ty CP Daecha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	343.526.073.021	76.122.741.824	419.648.814.845	343.526.073.021	86.859.269.456	430.385.342.477
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	216.460.432.601	(336.001.936)	216.124.430.665	216.460.432.601	(353.504.415)	216.106.928.186
(Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam)						
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	11.139.488.720	6.197.898.829	17.337.387.549	11.139.488.720	4.472.313.352	15.611.802.072
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc (tên cũ: Công ty CP Truyền dẫn, Phát sóng Truyền hình Đông bằng Sông Hồng)	7.007.392.908	1.997.910.453	9.005.303.361	7.007.392.908	1.436.532.264	8.443.925.172
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel) (iii)	1.847.955.809	-	1.847.955.809	1.847.955.809	-	1.847.955.809
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	104.787.279.794	99.685.510.965	204.472.790.759	104.787.279.794	99.229.400.719	204.016.680.513
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long (iii)	11.337.764.444	-	11.337.764.444	11.337.764.444	-	11.337.764.444
Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel (ii)	-	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Hanel Telecom	-	-	-	-	-	-
Công ty CP Cây thuốc và Hương liệu Việt	2.035.000.000	(1.252.967.960)	782.032.040	2.035.000.000	(1.237.651.666)	797.348.334

220  
T.Y  
AN  
EL  
T.P



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (\*)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị số sách (i) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	54.240.463.797	3.370.306.326	54.240.463.797	1.324.341.590
Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad	2.631.271.207	1.991.271.207	(*)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G	3.000.000.000	1.209.411.820	(*)	1.209.411.820
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội	3.425.144.017	-	(*)	-
Công ty Cổ phần Đô thị Sinh thái Văn Nội	21.006.080.834	-	(*)	21.006.080.834
Công ty Cổ phần Tự động hoá và Cơ khí Điện tử Hanel	804.165.656	69.090.040	(*)	804.165.656
Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	306.974.126	-	(*)	306.974.126
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	14.462.049.600	-	23.748.954.000	-
Công ty Cổ phần Biển Bạc	8.146.088.948	-	(*)	8.146.088.948
Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel	458.689.409	100.533.259	(*)	458.689.409
<b>Cộng</b>	<b>757.700.961.202</b>	<b>185.436.286.136</b>	<b>885.526.477.215</b>	<b>191.298.239.910</b>
				<b>893.434.395.725</b>

**Ghi chú:**

- (i) *Giá trị số sách:* được xác định trên cơ sở giá trị xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần và theo Biên bản bàn giao doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Hanel sang Công ty Cổ phần Hanel tháng 12 năm 2018, giá trị chuyển giao tại ngày 27 tháng 6 năm 2017. Do giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác tại thời điểm chuyển đổi đã được tính ảnh hưởng từ lãi cô tức dự từ trước thời điểm xác định giá trị bàn giao sang Công ty cổ phần tại ngày 27 tháng 6 năm 2017, theo đó, các khoản cô tức thuộc lợi nhuận phát sinh từ trước thời điểm ngày 28 tháng 6 năm 2017 nhận về sau ngày 28 tháng 6 năm 2017 sẽ được bù trừ với phần đã tính ghi nhận vào giá trị ban đầu của các khoản đầu tư (Xác định giá trị doanh nghiệp chuyển giao cô phần hoá).
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các Công ty liên kết sau: Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát, Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel và Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel. Theo đó, Công ty thực hiện ghi nhận giá trị đầu tư các Công ty liên doanh, liên kết theo giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Hanel và các Công ty con hoặc giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu đã xác định tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 có tính đến ảnh hưởng của cô tức được chia trong năm.
- (iii) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Hanel tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt thấp hơn 20%, tại Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long được xác định tương ứng tỷ lệ vốn góp (không có quyền đồng kiểm soát), theo đó, Công ty không đánh giá lại các khoản đầu tư vào các đơn vị trên phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của: (i) Các Công ty phân loại là khoản đầu tư vào đơn vị khác bao gồm: Công ty Cổ phần Biển Bạc, Công ty Cổ phần Đầu tư Hanpad, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội, Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel, Công ty Cổ phần Tự động hóa và Cơ khí điện tử Hanel, Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam; (ii) Các Công ty được phân loại là khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết với tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Hanel thấp hơn 20% bao gồm: Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt. Theo đó, Công ty chưa xác định được mức trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị trên (nếu có).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

(\*) *Giá trị hợp lý:* Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>167.010.062.710</b>	<b>185.563.088.586</b>
Cubaelectronica Havana Cuba	20.897.189.796	20.209.840.965
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	16.646.608.478
Công ty TNHH Canon Việt Nam	15.921.654.679	25.685.139.026
Công ty TNHH Ariston Thermo Việt Nam	12.068.504.203	14.647.648.321
Tập đoàn Cimex S.A	11.817.468.663	12.467.748.384
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội	9.470.171.658	4.736.368.125
Công ty TNHH Brother Industries Việt Nam	6.230.409.269	7.551.657.126
Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	4.711.963.012	4.711.963.012
Thales Six GTS France SAS	3.618.217.182	6.746.138.291
Các đối tượng khác	65.627.875.770	72.159.976.858
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>799.330.144</b>	<b>540.032.193</b>
Công ty Cổ phần Điện tử Hưng Phát	356.859.301	60.709.301
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	182.839.500	219.691.549
Công ty Cổ phần Cây thuốc và Hương liệu Việt	153.230.000	153.230.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	106.401.343	106.401.343
<b>Cộng</b>	<b>167.809.392.854</b>	<b>186.103.120.779</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>7.567.299.785</b>	<b>7.528.757.095</b>
Công ty TNHH Điện tử Hoàn Kiếm	2.040.545.988	2.188.485.209
Công ty Cổ phần Đầu tư HCOM	1.005.859.800	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Sản xuất Điện - Điện tử Việt - Newtec	1.576.674.429	1.576.674.429
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	778.050.000	618.750.000
Công ty Cổ phần ABM TECH	403.391.000	270.000.000
Các đối tượng khác	1.762.778.568	2.874.847.457
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>598.040.041</b>	<b>598.040.041</b>
Công ty CP Cây thuốc và Hương liệu Việt	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041
<b>Cộng</b>	<b>8.165.339.826</b>	<b>8.126.797.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>132.585.853.030</b>	<b>63.001.722.615</b>	<b>133.031.621.929</b>	<b>46.760.724.469</b>
Tạm ứng	6.224.703.961	-	3.959.950.840	-
Ký cược, ký quỹ	114.575.141	-	373.079.258	-
- Đối tượng khác	114.575.141	-	373.079.258	-
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn	3.516.421.999	-	2.268.789.164	-
Các khoản phải thu khác	122.548.033.229	62.835.153.915	126.258.183.967	46.594.155.769
- Công ty CP Đầu tư Phát triển N&G (i)	92.920.788.809	51.860.000.000	97.920.788.809	37.360.000.000
- Công ty CP Công nghệ Truyền thông BMTS (ii)	8.938.038.228	-	8.938.038.228	-
- Công ty Kinh doanh nhà Vinh Hưng (iii)	8.392.379.090	5.475.387.115	7.611.465.874	4.628.389.238
- Công ty CP Công nghệ DTT	4.310.000.896	3.113.000.896	4.310.000.896	2.219.000.627
- Công ty TNHH Đầu tư Top Victory	1.812.527.986	-	1.812.527.986	-
- Phải thu cổ đông cá nhân Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	1.225.000.000	1.225.000.000	1.225.000.000	1.225.000.000
- Công ty CP TM&DL Quốc tế Hoàng Gia VN	500.000.000	-	500.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.449.298.220	1.161.765.904	3.940.362.174	1.161.765.904
<b>Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>182.118.700</b>	<b>166.568.700</b>	<b>171.618.700</b>	<b>166.568.700</b>
Công ty TNHH Hanel Telecom	173.618.700	166.568.700	171.618.700	166.568.700
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	8.500.000	-	-	-
<b>b) Phải thu khác dài hạn</b>	<b>597.639.222</b>	<b>-</b>	<b>108.225.193.556</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	597.639.222	-	594.432.231	-
Phải thu khác	-	-	107.630.761.325	-
- Giá trị lợi thế khai thác dự án tại 60 Nguyễn Đức Cảnh	-	-	107.630.761.325	-
<b>Cộng</b>	<b>133.183.492.252</b>	<b>63.001.722.615</b>	<b>241.256.815.485</b>	<b>46.760.724.469</b>

**Ghi chú:**

- (i) Bao gồm khoản gốc đặt cọc 76.757.000.000 VND theo Hợp đồng đặt cọc thuê lại đất số 31-05/HĐ-ĐC ngày 31 tháng 5 năm 2017 và khoản lãi dự thu 16.163.788.809 VND từ hợp đồng đặt cọc của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G tính đến ngày 27 tháng 6 năm 2017 (thời điểm cổ phần hóa).

Theo Bản án phúc thẩm số 02/2023/KDTM-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G phải trả cho Công ty về số nợ theo các hợp đồng hợp vốn và ứng vốn với số tiền gốc và lãi tương ứng tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là 70.000.000.000 VND và 77.613.997.259 VND. Công ty chưa hạch toán phần còn lại của khoản lãi được nhận cũng như chưa hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán; khoản tiền lãi sẽ được ghi nhận và số dự phòng phải thu sẽ được hoàn nhập trên cơ sở số tiền thực thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G theo phán quyết của Tòa án.

- (ii) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel - Công ty con của Công ty liên quan đến Hợp đồng liên danh số 14/HĐKT/VTC/BMTS-Hanel.17 ngày 26 tháng 10 năm 2017.
- (iii) Khoản phải thu tiền thuê đất mà Công ty con của Công ty - Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa trả hộ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Nợ xấu ngắn hạn</b>	<b>188.176.981.902</b>	<b>59.611.852.668</b>	<b>187.385.790.458</b>	<b>82.357.125.138</b>
Công ty CP Đầu tư Phát triển N & G	92.920.788.809	41.060.788.809	97.920.788.809	60.560.788.809
Cubaelectronica Havana Cuba	21.733.077.322	6.519.923.196	21.018.234.540	10.509.117.270
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	-	16.646.608.478	-
Tập đoàn Cimex S.A	12.290.167.363	-	12.966.458.229	-
Công ty Kinh doanh nhà Vinh Hưng	8.392.379.090	2.916.991.975	7.611.465.874	2.983.076.636
Công ty CP Công nghệ DTT	4.497.110.896	1.197.000.000	5.525.000.896	2.091.000.269
Công ty CP Đầu tư Hanpad	4.230.438.825	-	4.230.438.825	1.269.131.647
Văn phòng đại diện AOC Việt Nam	3.940.798.751	788.159.750	3.940.798.751	1.970.399.376
Phải thu cổ đông cá nhân Công ty CP Nghiên cứu và Phát triển Hanel	1.225.000.000	-	1.225.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Tàu	759.717.605	127.582.103	759.717.605	279.525.624
Công ty TNHH Borderless Integrators	733.641.689	-	733.641.689	-
Các đối tượng khác	20.807.253.074	7.001.406.835	14.807.636.762	2.694.085.507
<b>b) Nợ xấu là các bên liên quan</b>	<b>934.919.385</b>	<b>7.050.000</b>	<b>932.919.385</b>	<b>5.050.000</b>
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	404.441.384	-	404.441.384	-
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	356.859.301	-	356.859.301	-
Công ty TNHH Hanel Telecom	173.618.700	7.050.000	171.618.700	5.050.000
<b>Cộng</b>	<b>189.111.901.287</b>	<b>59.618.902.668</b>	<b>188.318.709.843</b>	<b>82.362.175.138</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.154.407.535	-	13.109.761.577	-
Công cụ, dụng cụ	88.880.582	-	98.683.082	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.742.460.339	-	46.253.740.744	-
Thành phẩm	19.294.545.206	-	19.279.809.276	-
Hàng hóa	735.831.132	(147.056.800)	768.849.324	(147.056.800)
<b>Cộng</b>	<b>71.016.124.794</b>	<b>(147.056.800)</b>	<b>79.510.844.003</b>	<b>(147.056.800)</b>

**Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản giao dịch vận tải (i)	21.840.252.220		30.761.736.345	
Dự án dịch vụ truyền hình Hanel TV	4.976.827.881		4.976.827.881	
Dự án hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị thuộc hệ thống trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX	695.218.490		4.247.718.655	
Dự án khác và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	9.230.161.748		6.267.457.863	
<b>Cộng</b>	<b>36.742.460.339</b>		<b>46.253.740.744</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Phản ánh chi phí triển khai Dự án. Hiện tại, Công ty chưa ký được hợp đồng đầu ra tương ứng với các khoản chi phí đã bỏ ra này với các đối tác để có thể chuyển giao sản phẩm hình thành từ Dự án.

Trong năm, Công ty đã kết chuyển 8,9 tỷ VND là chi phí phát sinh năm 2021 và năm 2022 của Dự án vào chi phí sản xuất kinh doanh do chấp thuận hỗ trợ kinh phí duy trì hệ thống cho Dự án theo Đề nghị hỗ trợ từ Cục Đường bộ Việt Nam tại Văn bản số 2345/CĐBVN-QLVT,PT&NL ngày 30 tháng 12 năm 2022.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>4.129.799.059</b>	<b>3.726.107.833</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.416.348.913	1.596.235.202
Chi phí khác	1.713.450.146	2.129.872.631
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.815.174.539</b>	<b>4.384.041.648</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.836.110.870	1.948.017.086
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, văn phòng	1.260.776.432	1.006.742.701
Chi phí khác	718.287.237	1.429.281.861

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.026.454.444	15.394.821.543	14.502.200.060	1.133.832.961
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.896.349.843	2.896.349.843	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.462.782.188	10.565.162.723	9.903.695.218	1.801.314.683
Thuế thu nhập cá nhân	473.589.741	2.850.584.108	2.794.021.641	417.027.274
Thuế tài nguyên	19.207.870	248.461.191	250.774.959	21.521.638
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	22.699.816.651	22.699.816.651	-
Các loại thuế khác	-	77.717.055	77.717.055	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	5.697.000	68.935.125	66.736.125	3.498.000
<b>Cộng</b>	<b>4.987.731.243</b>	<b>54.801.848.239</b>	<b>53.191.311.552</b>	<b>3.377.194.556</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	178.498.691	720.238.772	699.105.411	199.632.052
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.372.141	61.256.715	-	154.628.856
Thuế thu nhập cá nhân	34.076.604	48.251.745	24.483.481	57.844.868
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.267.606.519	-	1.267.606.519
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.000.000	3.000.000	3.000.000	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>310.947.436</b>	<b>2.100.353.751</b>	<b>726.588.892</b>	<b>1.684.712.295</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,  
Thành phố Hà Nội**MÃ SỐ B09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	85.530.771.541	324.494.979.001	20.505.196.962	3.154.298.419	905.118.662	434.590.364.585
- Mua trong năm	722.747.900	58.000.000	273.148.148	-	-	1.053.896.048
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.798.280)	(1.185.909.243)	-	-	(1.192.707.523)
- Phân loại lại bất động sản đầu tư	(1.463.328.320)	-	-	-	-	(1.463.328.320)
Số dư cuối năm	84.790.191.121	324.546.180.721	19.592.435.867	3.154.298.419	905.118.662	432.988.224.790
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	69.077.597.005	247.179.036.901	17.304.029.623	2.026.482.788	886.278.913	336.473.425.230
- Khấu hao trong năm	4.136.707.881	12.599.670.111	552.186.799	369.467.388	10.204.307	17.668.236.486
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.798.280)	(1.185.909.243)	-	-	(1.192.707.523)
- Phân loại lại bất động sản đầu tư	(1.024.329.823)	-	-	-	-	(1.024.329.823)
Số dư cuối năm	72.189.975.063	259.771.908.732	16.670.307.179	2.395.950.176	896.483.220	351.924.624.370
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư đầu năm	16.453.174.536	77.315.942.100	3.201.167.339	1.127.815.631	18.839.749	98.116.939.355
Số dư cuối năm	12.600.216.058	64.774.271.989	2.922.128.688	758.348.243	8.635.442	81.063.600.420

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 268.225.079.785 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 212.668.701.617 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm các khoản vay là 50.277.319.320 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 57.625.432.850 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	88.302.500.000	2.578.191.401	7.418.954.717	308.986.340	98.608.632.458
Số dư cuối năm	88.302.500.000	2.578.191.401	7.418.954.717	308.986.340	98.608.632.458
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	88.302.500.000	2.578.191.401	7.156.020.064	308.986.340	98.345.697.805
- Khấu hao trong năm	-	-	132.356.820	-	132.356.820
Số dư cuối năm	88.302.500.000	2.578.191.401	7.288.376.884	308.986.340	98.478.054.625
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư đầu năm	-	-	262.934.653	-	262.934.653
Số dư cuối năm	-	-	130.577.833	-	130.577.833

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 97.886.761.356 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 97.946.848.356 VND).

**15. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư đầu năm	189.989.833.165	189.989.833.165
- Tăng do phân loại lại tài sản cố định (i)	1.463.328.320	1.463.328.320
- Thanh lý, nhượng bán	(4.697.037.027)	(4.697.037.027)
Số dư cuối năm	186.756.124.458	186.756.124.458
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư đầu năm	140.011.604.677	140.011.604.677
- Khấu hao trong năm	7.520.983.419	7.520.983.419
- Tăng do phân loại lại tài sản cố định (i)	1.024.329.823	1.024.329.823
- Thanh lý, nhượng bán	(795.367.435)	(795.367.435)
Số dư cuối năm	147.761.550.484	147.761.550.484
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư đầu năm	49.978.228.488	49.978.228.488
Số dư cuối năm	38.994.573.974	38.994.573.974

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm: Bất động sản đầu tư cho thuê và hợp tác kinh doanh bao gồm nhà xưởng, vật kiến trúc tại Khu Công nghiệp Sài Đồng B; số 2 Chùa Bộc và một số bất động sản đang cho thuê tại Hàng Bông, Phố Vọng, Khuong Thượng và Thái Hà.

**Ghi chú:**

- (i) Phân loại lại các bất động sản do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>3.501.361.748</b>	<b>3.555.861.748</b>
Dự án Open ERP	3.501.361.748	3.555.861.748
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.245.873.757.651</b>	<b>1.243.714.995.525</b>
Khu đô thị - Công viên Công nghệ Phần mềm HN (i)	936.318.499.433	936.565.999.493
Điểm thông quan DA nội địa thành phố Hà Nội (ii)	256.125.758.079	248.260.337.973
Dự án Phạm Hùng (Tòa tháp TMĐT và VP Hanel) (iii)	49.801.109.018	49.801.109.018
Dự án nghiên cứu và phát triển sản phẩm máy X quang kỹ thuật số	-	5.490.557.920
Các dự án khác	3.628.391.121	3.596.991.121

**Ghi chú:**

- (i) Dự án xây dựng khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội trên diện tích 43,45 ha (bao gồm 2 ô đất quy hoạch: ô K là 32,14ha, ô L là 7,33ha) tại phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Dự án hiện đã cơ bản hoàn thành, quyết toán xong các gói thầu chính phần hạ tầng kỹ thuật của ô K, tiếp tục triển khai đánh giá tác động môi trường DTM và đã được phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ô L. Phần lớn các công trình trên đất đã có ý tưởng thiết kế và báo cáo nghiên cứu khả thi độc lập cho từng công trình. Công ty đang kêu gọi đầu tư để thực hiện dự án.
- (ii) Dự án xây dựng cảng thông quan nội địa đồng bộ tại khu vực Hà Nội, phục vụ thông quan hàng hóa tại các địa điểm đã được các cấp có thẩm quyền chấp thuận, kèm theo các dịch vụ kinh doanh phụ trợ của doanh nghiệp tại địa điểm thông quan. Dự án có quy mô 19,21 ha với tổng vốn đầu tư là 781,849 tỷ VND, Dự án đã hoàn thành xong công tác giải phóng mặt bằng và đang thực hiện công tác san nền.
- (iii) Công ty đã nộp tiền sử dụng đất với tổng số tiền là 38.914.200.000 VND cho diện tích đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng - Hà Nội (thuộc Dự án Đầu tư xây dựng trụ sở Công ty). Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Địa điểm đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel do không thuộc phạm vi sắp xếp theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP. Công ty sẽ làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để có phương án xử lý về các chi phí phát sinh tại Dự án Phạm Hùng trên.

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi chưa thực hiện của Công ty CP Giải pháp phần mềm Hanel và Công ty CP Truyền thông Hanel (cung cấp dịch vụ cho Công ty CP Hanel)	3.329.900.659	4.315.350.514
Lãi vay của Công ty TNHH Dehaco, Công ty CP Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel và Công ty CP Dịch vụ Điện tử Hanel (cho Công ty Cổ phần Hanel vay thực hiện dự án)	20.284.801.505	42.239.696.495
<b>Tổng lợi nhuận chưa thực hiện</b>	<b>23.614.702.164</b>	<b>46.555.047.009</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Cộng</b>	<b>4.722.940.432</b>	<b>9.311.009.401</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>47.021.388.721</b>	<b>47.021.388.721</b>	<b>78.142.472.306</b>	<b>78.142.472.306</b>
Công ty TNHH Hóa chất MING DIH	1.569.739.500	1.569.739.500	7.098.507.360	7.098.507.360
Công ty TNHH Intech Color Việt Nam	4.165.546.000	4.165.546.000	7.796.536.842	7.796.536.842
Công ty CP Giải pháp Siêu Việt	8.270.449.000	8.270.449.000	-	-
Công ty TNHH Toyo Ink Compounds Việt Nam	1.808.940.000	1.808.940.000	5.826.682.275	5.826.682.275
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Phú Minh	3.296.402.846	3.296.402.846	4.038.906.410	4.038.906.410
Công ty CP Biển Bạc	3.176.884.756	3.176.884.756	3.176.884.756	3.176.884.756
Công ty CP Đầu tư và PT Xây dựng Thăng Long	1.437.539.545	1.437.539.545	2.648.249.845	2.648.249.845
Công ty TNHH Dainichi Corlor Vietnam	1.649.447.000	1.649.447.000	5.064.952.900	5.064.952.900
Công ty TNHH Kỹ thuật Mescos	103.120.311	103.120.311	103.120.311	103.120.311
Các đối tượng khác	20.270.993.148	20.270.993.148	41.674.904.992	41.674.904.992
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>1.272.326.615</b>	<b>1.272.326.615</b>	<b>713.726.615</b>	<b>713.726.615</b>
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)</i>	<i>713.726.615</i>	<i>713.726.615</i>	<i>713.726.615</i>	<i>713.726.615</i>
<i>Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel</i>	<i>558.600.000</i>	<i>558.600.000</i>	-	-
<b>b) Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>12.312.043.353</b>	<b>12.312.043.353</b>	<b>12.312.043.353</b>	<b>12.312.043.353</b>
Công ty CP Đầu tư và PT Xây dựng Thăng Long	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684	9.953.278.684
<b>Phải trả người bán dài hạn là bên liên quan</b>	<b>2.358.764.669</b>	<b>2.358.764.669</b>	<b>2.358.764.669</b>	<b>2.358.764.669</b>
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Bắc Việt (tên cũ: Công ty CP Xây dựng Hanel)</i>	<i>2.358.764.669</i>	<i>2.358.764.669</i>	<i>2.358.764.669</i>	<i>2.358.764.669</i>
<b>Cộng</b>	<b>59.333.432.074</b>	<b>59.333.432.074</b>	<b>90.454.515.659</b>	<b>90.454.515.659</b>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>18.269.719.651</b>	<b>17.592.311.505</b>
Thales Six GTS France S.A.S	12.208.259.162	12.208.259.162
Cục hồ sơ nghiệp vụ	4.053.750.000	-
Viễn thông Hưng Yên - Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam	1.088.740.950	-
Các đối tượng khác	918.969.539	5.384.052.343

**20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>8.755.054.955</b>	<b>8.356.079.197</b>
Chi phí dự phòng tiền lương	5.268.683.330	3.739.253.000
Trích trước chi phí thường xét	-	1.041.435.000
Chi phí dự án Thales	895.821.768	912.240.133
Chi phí thẩm định giá	750.000.000	750.000.000
Chi phí lãi vay	1.182.927.557	890.110.107
Chi phí phải trả khác	657.622.300	1.023.040.957
<b>b) Chi phí phải trả bên liên quan</b>	<b>1.541.068.860</b>	<b>1.156.610.520</b>
Lãi vay phải trả Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	1.541.068.860	1.156.610.520
<b>Cộng</b>	<b>10.296.123.815</b>	<b>9.512.689.717</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>	<b>9.275.537.951</b>	<b>10.168.471.035</b>
Doanh thu cho thuê đất KCN, văn phòng	7.691.099.557	8.875.262.641
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn với bên liên quan	1.584.438.394	1.293.208.394
<i>Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi-Hanel</i>	<i>1.584.438.394</i>	<i>1.293.208.394</i>
<b>b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>	<b>96.050.482.903</b>	<b>100.598.317.573</b>
Doanh thu cho thuê đất KCN	95.732.556.829	100.174.416.115
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn với bên liên quan	317.926.074	423.901.458
<i>Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi-Hanel</i>	<i>317.926.074</i>	<i>423.901.458</i>

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>285.141.964.352</b>	<b>284.778.711.666</b>
Nhận ký quỹ ký cược (i)	21.210.314.360	21.153.881.080
Kinh phí công đoàn	441.663.197	538.064.152
Các khoản bảo hiểm	3.626.213	4.364.368
Phải trả quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (ii)	244.173.659.937	244.173.659.937
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.312.700.645	18.908.742.129
- Công ty CP Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	5.623.279.200	5.623.279.200
- Đài truyền hình kỹ thuật số VTC (iii)	8.938.038.228	8.938.038.228
- Đối tượng khác	4.751.383.217	4.347.424.701
<b>b) Phải trả dài hạn khác (iv)</b>	<b>23.654.663.360</b>	<b>23.064.826.727</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.521.569.629	11.931.732.996
Phải trả dài hạn khác là bên liên quan	11.133.093.731	11.133.093.731
<i>Công ty TNHH Hệ thống dây SUMI-HANEL</i>	<i>11.133.093.731</i>	<i>11.133.093.731</i>
<b>Cộng</b>	<b>308.796.627.712</b>	<b>307.843.538.393</b>

Ghi chú:

- (i) Trong đó bao gồm: Khoản đặt cọc của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ số tiền 20 tỷ VND theo Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT/HANEL-TLH ngày 29 tháng 5 năm 2017 ký giữa Công ty và Công ty TNHH Tháp Láng Hạ về việc “tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội để thực hiện dự án điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội tại xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, Hà Nội”. Theo thỏa thuận thì Công ty TNHH Tháp Láng Hạ sẽ thanh toán 40 tỷ VND cho Công ty, trong đó đặt cọc trước 20 tỷ VND, thanh toán cho Công ty 20 tỷ VND còn lại sau khi có văn bản phê duyệt/ chấp thuận của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty TNHH ICD Hà Nội. Trong trường hợp đề án tăng vốn và thay đổi cơ cấu vốn không được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận hoặc đề án được phê duyệt nhưng tỷ lệ của Công ty TNHH Tháp Láng Hạ thấp hơn 75%, Công ty sẽ phải hoàn trả lại 20 tỷ VND đặt cọc. Tại thời điểm lập báo cáo này, chưa có văn bản chấp thuận của UBND thành phố Hà Nội về phương án trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**22. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)**

Ghi chú (Tiếp theo):

- (ii) Khoản hoàn nhập dự phòng và gốc Cuba phải trả về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp.

Theo phụ lục trả nợ ký với Grupo De La Electronica ngày 04 tháng 7 năm 2012, Grupo De La Electronica thanh toán cho Công ty số tiền gốc và lãi đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Grupo De La Electronica đã chậm thanh toán với tổng số tiền là 23.578.191,25 USD. Công ty đã hạch toán sử dụng khoản dự phòng phải thu khó đòi Cuba số tiền 52.883.913.142 VND tương ứng với số tiền Công ty đã thực trả cho Ngân hàng Phát triển nhưng chưa thu được từ Cuba, đồng thời điều chỉnh giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước căn cứ theo Công văn số 11458/BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017.

- (iii) Khoản phải trả của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Hanel - Công ty con của Công ty liên quan đến Hợp đồng liên danh số 14/HĐKT/VTC/BMTS-Hanel.17 ngày 26 tháng 10 năm 2017.

- (iv) Khoản phải trả dài hạn khác bao gồm 02 khoản chính:

- Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội số tiền 11.906.732.996 VND theo Hợp đồng thuê nhà số 10/HĐ-TN, theo đó, Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội được quyền thuê nhà với thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 02 tháng 5 năm 2007;
- Khoản Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel nộp cho Công ty TNHH Dehaco - Công ty con của Công ty số tiền 7.215.224.800 VND cho mục đích cam kết bảo lãnh thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 144/18/HĐ-DEHACO ngày 30 tháng 6 năm 2018, thời hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 về việc Công ty TNHH Dehaco góp mặt bằng, Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel triển khai kinh doanh, lợi nhuận Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel cam kết phân chia cho Công ty TNHH Dehaco là 19.677.885.816 VND/năm.
- Khoản Công ty TNHH Hệ thống Dây Sumi-Hanel đặt cọc cho Công ty Cổ phần Sản xuất Điện tử Công nghệ cao Hanel theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-2021 HĐ/HANEL HITECH – SUMI HANEL ngày 31 tháng 10 năm 2021 với số tiền 3.917.868.931 VND, hợp đồng có thời hạn 4 năm 8 tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,  
Thành phố Hà Nội**MÃ SỐ B09 - DN/HN**  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>						
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Chương Dương (i)	26.775.886.256	26.775.886.256	274.139.840.607	287.909.189.378	40.545.235.027	40.545.235.027
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hai Bà Trưng	26.775.886.256	26.775.886.256	228.529.417.915	239.348.193.637	37.594.661.978	37.594.661.978
	-	-	45.610.422.692	48.560.995.741	2.950.573.049	2.950.573.049
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.783.715.956	6.783.715.956	6.783.715.956	6.783.715.955	6.783.715.955	6.783.715.955
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	6.783.715.956	6.783.715.956	6.783.715.956	6.783.715.955	6.783.715.955	6.783.715.955
Vay ngắn hạn đối tượng khác	90.450.000	90.450.000	-	1.674.000.000	1.764.450.000	1.764.450.000
Ông Trần Văn Chiến (iii)	-	-	-	1.674.000.000	1.674.000.000	1.674.000.000
Đối tượng khác	90.450.000	90.450.000	-	-	90.450.000	90.450.000
<b>Tổng vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>33.650.052.212</b>	<b>33.650.052.212</b>	<b>280.923.556.563</b>	<b>296.366.905.333</b>	<b>49.093.400.982</b>	<b>49.093.400.982</b>
<i>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>						
Vay dài hạn từ tổ chức tín dụng						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (ii)	48.132.079.721	48.132.079.721	1.927.163.636	10.229.243.229	56.434.159.314	56.434.159.314
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Chương Dương	48.132.079.721	48.132.079.721	-	6.783.715.957	54.915.795.678	54.915.795.678
	-	-	1.927.163.636	3.445.527.272	1.518.363.636	1.518.363.636
Vay dài hạn từ bên liên quan	192.229.168.920	192.229.168.920	-	-	192.229.168.920	192.229.168.920
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn (Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam) (iv)	192.229.168.920	192.229.168.920	-	-	192.229.168.920	192.229.168.920
Vay dài hạn đối tượng khác	9.866.000.000	9.866.000.000	8.794.000.000	-	1.072.000.000	1.072.000.000
Ông Trần Văn Chiến (iii)	9.866.000.000	9.866.000.000	8.794.000.000	-	1.072.000.000	1.072.000.000
<b>Tổng vay và nợ dài hạn</b>	<b>250.227.248.641</b>	<b>250.227.248.641</b>	<b>10.721.163.636</b>	<b>10.229.243.229</b>	<b>249.735.328.234</b>	<b>249.735.328.234</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Ghi chú:

- (i) Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa - Công ty con của Công ty theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 56/22/HM/VCB.CD-HNX ngày 24 tháng 10 năm 2022. Tổng hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 VND, được nhận nợ bằng cả tiền VND và USD. Hạn mức cho vay này bao gồm cả số dư nợ vay của công ty tại Ngân hàng theo hợp đồng vay theo hạn mức số 36/22/HM/VCB.CD-HNX ngày 07 tháng 6 năm 2022; thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Hanel Xốp Nhựa.
- (ii) Khoản vay dài hạn của Công ty TNHH ICD Hà Nội - Công ty con của Công ty theo hợp đồng cho vay số 01/HĐTD/VPB-ICD ngày 05 tháng 6 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để phục vụ dự án “Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội”, thời hạn vay đến hết ngày 07 tháng 6 năm 2027, lãi suất vay trong năm từ 8,2%/năm - 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản hình thành từ dự án.
- (iii) Khoản vay của Công ty TNHH ICD Hà Nội - Công ty con của Công ty để phục vụ dự án “Điểm thông quan nội địa thành phố Hà Nội”, thời hạn trả nợ gốc là khi Công ty có lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trừ các khoản nợ khác hoặc có nguồn vốn huy động khác, lãi suất trong năm từ 0%/năm - 11%/năm.
- (iv) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn bao gồm 2 hợp đồng:
- Hợp đồng số 03/HĐ/ĐTTB ngày 12 tháng 6 năm 2017, số tiền vay 135.000.000.000 VND, Lãi suất 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 11 năm 2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.
  - Hợp đồng số 02/HĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 7 năm 2014 để bổ sung vốn lưu động, số tiền vay 70.220.000.000 VND, lãi suất cho vay 0%/năm. Theo Phụ lục Hợp đồng vay vốn số 01-02/PLHĐ/ĐTTB ngày 01 tháng 11 năm 2019: Thời gian cho vay tính từ thời điểm Công ty Cổ phần Hanel nhận được tiền cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; lãi suất cho vay 0,2%/năm tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; lãi được trả vào cuối kỳ hạn của Hợp đồng vay.

Tuy nhiên, trong trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư Thạch Bàn căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh có nhu cầu sử dụng vốn để triển khai Dự án Khu đô thị hỗ trợ - Khu công nghiệp Sài Đồng B tại phường Thạch Bàn, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội phải thông báo trước 30 ngày cho Công ty Cổ phần Hanel thì Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn trả tiền vay đầy đủ theo văn bản thông báo thu hồi tiền vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Dự án Khu đô thị hỗ trợ vẫn đang trong giai đoạn hoàn thành hồ sơ pháp lý và giải phóng mặt bằng; chưa được bàn giao đất để thực hiện dự án. Theo đó Công ty đánh giá khoản vay trên là vay dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HANEL**Số 02, phố Chùa Bộc, phường Trung Tự, quận Đống Đa,  
Thành phố Hà Nội**MÃU SỐ B09 - DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND		
Số dư tại ngày đầu năm trước	1.926.000.000.000	(17.944.000)		(5.796.813.665)	66.152.325.298	238.127.137.212	160.278.753.216	2.384.743.458.061		
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	65.062.325.332	4.259.126.466	69.321.451.798		
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(11.748.490.200)	(3.889.507.000)	(15.637.997.200)		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	17.602.834.927	(21.371.026.969)	(653.764.019)	(4.421.956.061)		
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	321.596.605	-	321.596.605		
Tăng khác	-	-	-	-	-	(2.083.462)	2.083.462	-		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(42.213.482)	(32.786.519)	(75.000.001)		
<b>Số dư tại ngày đầu năm nay</b>	<b>1.926.000.000.000</b>	<b>(17.944.000)</b>		<b>(5.796.813.665)</b>	<b>83.755.160.225</b>	<b>270.347.245.036</b>	<b>159.963.905.606</b>	<b>2.434.251.553.202</b>		
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	300.400.000	300.400.000		
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	-	-	56.102.809.031	4.730.243.984	60.833.053.015		
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(43.079.725.180)	(3.029.762.546)	(46.109.487.726)		
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	16.291.235.627	(20.121.248.034)	(429.496.278)	(4.259.508.685)		
Tăng khác	-	-	-	-	-	(3.234.179)	3.234.179	-		
Giảm khác	-	-	-	-	(29.508.207)	87.886.945	(58.378.738)	-		
<b>Số dư tại ngày cuối năm nay</b>	<b>1.926.000.000.000</b>	<b>(17.944.000)</b>		<b>(5.796.813.665)</b>	<b>100.016.887.644</b>	<b>263.333.733.620</b>	<b>161.480.146.207</b>	<b>2.445.016.009.806</b>		

36  
ĐA  
PH  
NG  
BOIC

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 1712/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội là 1.926.000.000.000 VND. Chi tiết vốn điều lệ theo danh sách cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.886.144.000.000	97,93%	1.886.144.000.000	97,93%
Vốn của các cổ đông khác	39.856.000.000	2,07%	39.856.000.000	2,07%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.926.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.926.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ		
- USD	55.763,53	46.258,99
- EUR	1.713.849,84	367.133,82
- SGD	100,00	100,00
2. Nợ khó đòi đã xử lý	3.186.990.857	3.186.990.857
3. Tài sản nhận giữ hộ	1.020	1.020
Thiết bị nhà thông minh (bộ)	1.020	1.020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. BỘ PHẬN VỀ LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm các bộ phận sau:

- Bộ phận dự án;
- Bộ phận bán hàng hóa: thiết bị điện tử;
- Bộ phận bán thành phẩm: các mặt hàng từ nguyên liệu nhựa và các chi tiết cấu kiện từ nhựa;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ: chủ yếu hoạt động cho thuê đất, nhà xưởng...

Công ty lập báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh này.

Năm nay	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	bán thành phẩm	cung cấp dịch vụ	dự án	khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	272.496.510.190	399.336.913.808	122.602.358.102	7.103.585.661	3.909.636.364	805.449.004.125
Giá vốn	270.530.939.928	348.076.554.303	73.672.966.500	5.301.139.805	3.901.669.592	701.483.270.128
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>1.965.570.262</b>	<b>51.260.359.505</b>	<b>48.929.391.602</b>	<b>1.802.445.856</b>	<b>7.966.772</b>	<b>103.965.733.997</b>

Chi phí không phân bổ						118.841.031.137
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(14.875.297.140)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư						110.610.935.583
Chi phí từ hoạt động tài chính						(8.120.654.710)
Lãi/(Lỗ) khác						(13.121.006.094)
Lợi nhuận trước thuế						74.493.977.639
Thuế TNDN hiện hành						10.626.419.438
Thuế TNDN hoãn lại						3.034.505.186
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>60.833.053.015</b>

Năm trước	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Doanh thu	Tổng
	bán hàng hóa	bán thành phẩm	cung cấp dịch vụ	dự án	khác	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu	365.285.332.707	339.116.705.777	129.847.844.885	14.830.048.033	-	849.079.931.402
Giá vốn	353.451.786.672	295.425.876.270	95.288.341.242	9.036.733.915	-	753.202.738.099
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận</b>	<b>11.833.546.035</b>	<b>43.690.829.507</b>	<b>34.559.503.643</b>	<b>5.793.314.118</b>	<b>-</b>	<b>95.877.193.303</b>

Chi phí không phân bổ						129.734.127.550
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(33.856.934.247)
Doanh thu từ hoạt động đầu tư						114.520.191.106
Chi phí từ hoạt động tài chính						(4.202.760.076)
Lãi/(Lỗ) khác						619.772.070
Lợi nhuận trước thuế						77.080.268.853
Thuế TNDN hiện hành						7.868.754.129
Thuế TNDN hoãn lại						(109.937.074)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>						<b>69.321.451.798</b>

**27. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Các hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra tại Hà Nội, các khu vực địa lý còn lại chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu dự án	7.103.585.661	14.830.048.033
- Doanh thu bán hàng hoá	272.496.510.190	365.285.332.707
- Doanh thu bán thành phẩm	399.336.913.808	339.129.286.015
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	122.602.358.102	129.847.844.885
- Doanh thu khác	3.909.636.364	-
	<b>805.449.004.125</b>	<b>849.092.511.640</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	-	<b>12.580.238</b>
- Giảm giá hàng bán	-	12.580.238
<b>Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>	<b>805.449.004.125</b>	<b>849.079.931.402</b>

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dự án	5.301.139.805	9.036.733.915
Giá vốn hàng hoá	270.530.939.928	353.451.786.672
Giá vốn thành phẩm	348.076.554.303	295.425.876.270
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	73.672.966.500	95.288.341.242
Giá vốn khác	3.901.669.592	-
<b>Cộng</b>	<b>701.483.270.128</b>	<b>753.202.738.099</b>

**30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.243.403.863	22.948.382.281
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.148.223.882	5.271.317.075
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.563.581.254	2.068.335.631
Lãi hợp tác kinh doanh	76.500.000	3.726.027
Doanh thu hoạt động tài chính khác	456.331.040	444.682.690
<b>Cộng</b>	<b>38.488.040.039</b>	<b>30.736.443.704</b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.330.265.486	1.244.597.139
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.743.634.594	2.942.669.481
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.045.964.736	15.493.456
Chi phí tài chính khác	789.894	-
<b>Cộng</b>	<b>8.120.654.710</b>	<b>4.202.760.076</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	2.129.053.847	2.398.124.672
Chi phí khấu hao TSCĐ	25.677.756	19.258.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.302.706.523	18.749.119.886
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.695.784.562	1.317.138.666
<b>Cộng</b>	<b><u>26.153.222.688</u></b>	<b><u>22.483.641.541</u></b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	38.943.940.064	36.946.118.383
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	2.221.309.196	1.738.596.570
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	23.536.463.914	51.365.014.271
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	-	(1.152.515.539)
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.250.537.689	3.050.751.870
Thuế, phí và lệ phí	642.438.118	(3.419.602.531)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.244.418.114	10.556.673.790
Chi phí bằng tiền khác	13.848.701.354	8.165.449.195
<b>Cộng</b>	<b><u>92.687.808.449</u></b>	<b><u>107.250.486.009</u></b>

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	290.754.179.235	235.336.916.437
Chi phí nhân công	100.234.399.357	93.630.046.193
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.315.038.809	30.743.735.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.449.265.693	133.988.203.148
Chi phí khác bằng tiền	45.914.678.397	16.698.076.427
<b>Cộng</b>	<b><u>586.667.561.491</u></b>	<b><u>510.396.977.845</u></b>

**34. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	96.363.637	96.818.182
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	156.101.404	-
Hoạt động hợp tác kinh doanh	1.779.938.184	1.696.983.639
Thu nhập khác	98.044.920	304.968.618
<b>Cộng</b>	<b><u>2.130.448.145</u></b>	<b><u>2.098.770.439</u></b>

**35. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản giao dịch vận tải (i)	8.921.484.125	-
Chi phí không thu hồi được của dự án "Nghiên cứu, sản xuất máy X-quang"	5.490.557.920	-
Chi phí cho hoạt động hợp tác kinh doanh	480.541.903	468.201.557
Chi phí khác	358.870.291	1.010.796.812
<b>Cộng</b>	<b><u>15.251.454.239</u></b>	<b><u>1.478.998.369</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**35. CHI PHÍ KHÁC (TIẾP THEO)**

Ghi chú:

- (i) Phân ánh giá vốn của dự án xây dựng bản đồ số, hệ thống khai thác dữ liệu giám sát hành trình và sản giao dịch vận tải trong hai năm 2021 và 2022 bao gồm chi phí khấu hao và dịch vụ mua ngoài được ghi nhận theo quyết định hỗ trợ kinh phí duy trì hệ thống từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên đề nghị của Cục đường bộ Việt Nam tại Văn bản số 2345/CDBVN-QLVT,PT&NL ngày 30 tháng 12 năm 2022.

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	10.626.419.438	7.868.754.129

**37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	3.034.505.186	(109.937.074)
<b>Cộng</b>	<b>3.034.505.186</b>	<b>(109.937.074)</b>

**38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	56.102.809.031	65.062.325.332
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng BĐH	(2.365.584.878)	(4.421.956.061)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	53.737.224.153	60.640.369.271
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	192.600.000	192.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>279</b>	<b>315</b>

**39. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

**Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm:** Không bao gồm 6.330.343.560 VND là số lãi nhập gốc của các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh lần lượt trên các chỉ tiêu Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác.

**Tiền lãi vay đã trả trong năm:** Không bao gồm 1.182.927.557 VND là số tiền lãi vay chưa được thanh toán, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

**Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác:**

- Không bao gồm: 94.800.000 VND là số tiền chi phí vốn hóa chưa được thanh toán, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- Bao gồm: 15.545.455 VND là số tiền đã trả trước để mua sắm tài sản, vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

**Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm:** Không bao gồm 370.098.807 VND là số cổ tức chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	283.877.300.853	298.828.729.216
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(129.194.569.405)	(121.212.251.119)
Nợ thuần	154.682.731.448	177.616.478.097
Vốn chủ sở hữu	2.445.016.009.805	2.434.251.553.202
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,06</b>	<b>0,07</b>

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

#### Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	129.194.569.405	121.212.251.119
Phải thu khách hàng và phải thu khác	171.499.886.487	321.403.401.559
Đầu tư tài chính ngắn hạn	519.386.113.943	367.056.500.001
Đầu tư tài chính dài hạn	57.340.463.797	60.740.463.797
<b>Tổng cộng</b>	<b>877.421.033.632</b>	<b>870.412.616.476</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	283.877.300.853	298.828.729.216
Phải trả người bán và phải trả khác	367.684.770.376	397.755.625.532
Chi phí phải trả	10.296.123.815	9.512.689.717
Dự phòng phải trả	89.914.760	89.914.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>661.948.109.804</b>	<b>706.186.959.225</b>

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá:* Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất:* Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa:* Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	129.194.569.405	-	129.194.569.405
Phải thu khách hàng và phải thu khác	170.902.247.265	597.639.222	171.499.886.487
Đầu tư tài chính ngắn hạn	519.386.113.943	-	519.386.113.943
Đầu tư tài chính dài hạn	-	57.340.463.797	57.340.463.797
<b>Tổng cộng</b>	<b>819.482.930.613</b>	<b>57.938.103.019</b>	<b>877.421.033.632</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>			
Các khoản vay	33.650.052.212	250.227.248.641	283.877.300.853
Phải trả người bán và phải trả khác	331.718.063.663	35.966.706.713	367.684.770.376
Chi phí phải trả	10.296.123.815	-	10.296.123.815
Dự phòng phải trả	89.914.760	-	89.914.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>375.754.154.450</b>	<b>286.193.955.354</b>	<b>661.948.109.804</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>443.728.776.163</b>	<b>(228.255.852.335)</b>	<b>215.472.923.828</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.212.251.119	-	121.212.251.119
Phải thu khách hàng và phải thu khác	213.178.208.003	108.225.193.556	321.403.401.559
Đầu tư tài chính ngắn hạn	367.056.500.001	-	367.056.500.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	60.740.463.797	60.740.463.797
<b>Tổng cộng</b>	<b>701.446.959.123</b>	<b>168.965.657.353</b>	<b>870.412.616.476</b>
<b>Tại ngày đầu năm</b>			
Các khoản vay	49.093.400.982	249.735.328.234	298.828.729.216
Phải trả người bán và phải trả khác	362.378.755.452	35.376.870.080	397.755.625.532
Chi phí phải trả	9.512.689.717	-	9.512.689.717
Dự phòng phải trả	89.914.760	-	89.914.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>421.074.760.911</b>	<b>285.112.198.314</b>	<b>706.186.959.225</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>280.372.198.212</b>	<b>(116.146.540.961)</b>	<b>164.225.657.251</b>

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Lãnh đạo tin tưởng rằng: các nguồn tiền thu từ hoạt động kinh doanh và từ cổ tức trong năm tới và các năm tiếp theo có thể tạo ra đảm bảo nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**41. THÔNG TIN KHÁC**

**41.1 Thông tin về việc ký các hợp đồng thuê đất với Cơ quan Nhà nước**

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang thực hiện các thủ tục để ký lại hợp đồng thuê đất khi chuyển sang Công ty cổ phần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****41.2 Thông tin về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty**

Theo Thông báo số 815/TB-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty Cổ phần Hanel: Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận đề xuất của Liên ngành về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty và giao các Sở liên quan triển khai thực hiện, phương án cụ thể:

- Cơ sở nhà, đất tại số 409 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội và số 165 Thái Hà, quận Đống Đa, Hà Nội đang có tranh chấp; Ủy ban Nhân dân thành phố chưa xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất này. Sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tranh chấp, Công ty Cổ phần Hanel có trách nhiệm thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất này theo quy định của pháp luật.
- Cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội: Loại ra khỏi phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty đã được Ủy ban Nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2011 và Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2015. Việc quản lý, sử dụng cơ sở nhà, đất tại E1 Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được thực hiện theo Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND thành phố phê duyệt.
- Cơ sở nhà, đất tại Lô 2 - E9 - Phạm Hùng, quận Cầu Giấy, Hà Nội: không đưa vào phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty. Liên ngành đề nghị UBND thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất đối với ô đất Lô 2, E9 Phạm Hùng, quận Cầu Giấy cho người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa nhận được Quyết định của UBND TP. Hà Nội về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Công ty theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

**41.3 Thông tin về việc ghi nhận khoản lãi thu được từ Grupo De La Electronica - nước Cộng Hòa Cu Ba**

Áp dụng nguyên tắc thận trọng trong ghi nhận các khoản thanh toán nợ tồn đọng của các đối tác tại Nước Cộng hòa Cu Ba theo các hợp đồng mua bán, Công ty đã nhất quán thực hiện:

- Công ty đã ghi nhận giảm nợ gốc tương ứng với toàn bộ số tiền Công ty thực nhận (bao gồm gốc, và một phần lãi chậm thanh toán);
- Số tiền nhận được từ Grupo De La Electronica từ kỳ tháng 3 năm 2018 (sau khi đã cân trừ hết nợ gốc đến kỳ tháng 02/2018) sẽ được sử dụng để trả lãi cho Ngân hàng Phát triển ("VDB");
- Giá trị còn lại sau khi trả lãi (trả hết nợ gốc và lãi cho VDB) sẽ được nộp toàn bộ về Ngân sách Nhà nước, không ghi nhận lợi nhuận và không được phân phối tại Công ty;
- Công ty chỉ ghi nhận các giao dịch (như trên) theo số tiền thực tế được đối tác chuyển tiền thanh toán về tài khoản của Công ty.

Tuy nhiên, từ kỳ tháng 8 năm 2018, Grupo De La Electronica chưa thanh toán cho Công ty. Tổng số tiền phải thu nhưng chưa thu được cho kỳ thanh toán từ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 theo Biên bản xác minh công nợ ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 23.578.191,25 USD. Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền phải thu trên vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm; Tương ứng, Công ty cũng chưa ghi nhận Chi phí tài chính đối với giá trị tiền lãi đã trả cho VDB cho đợt thanh toán từ kỳ tháng 8 năm 2018 đến hết năm 2019 là 52.883.913.142 VND.

Số tiền đã thanh toán cho VDB được cân trừ (ghi giảm) số dư Phải trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 11458/-BTC-TCNH ngày 26 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ và được chấp thuận "Trường hợp đến hạn trả nợ nhưng Công ty Hanel chưa nhận được tiền từ phía Cuba thanh toán, Công ty Hanel được tạm sử dụng dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản công nợ Cuba để thanh toán nợ vay tín dụng xuất khẩu. Khi phía Cuba trả nợ, Công ty Cổ phần Hanel phải hoàn nhập...". Công ty đang hạch toán sử dụng nguồn dự phòng phải thu khó đòi Cuba với số tiền 52.883.913.142 VND để thanh toán cho VDB, tương ứng giảm khoản Phải nộp Ngân sách Nhà nước - Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp. Chi tiết tại Thuyết minh 22 (ii).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**42. TÀI SẢN VÀ CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

- (i) Ngoài giá trị nợ phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G đã được ghi nhận là 97.920.788.809 VND (Thuyết minh số 8), Công ty chưa ghi nhận giá trị tiền lãi phát sinh từ ngày 28 tháng 6 năm 2017 đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 (ngày xét xử phiên sơ thẩm) với giá trị khoảng 54.693.208.450 VND theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được. Ngày 25 tháng 8 năm 2020, Công ty đã gửi đơn kiện ra Tòa án Nhân dân huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Theo bản án phúc thẩm số 02/2023/KDTM-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển N&G phải trả cho Công ty về số nợ theo các hợp đồng hợp vốn và ứng vốn với số tiền gốc và lãi tương ứng tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2022 là 70.000.000.000 VND và 77.613.997.259 VND.
- (ii) Ngoài khoản phải thu phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa đã trình bày tại Thuyết minh số 41, Công ty còn có khoản công nợ phải thu của CUBAELECTRONICA HAVANA CUBA được trình bày tại thuyết minh số 6 và số 9 phát sinh từ hợp đồng mua bán số 11-I-38059-B ngày 24 tháng 8 năm 2018 với tổng số tiền là 928.367,25 USD. Công ty chưa ghi nhận tiền lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng này đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 247.539,22 USD theo nguyên tắc thận trọng nguyên nhân do khoản công nợ phải thu này đã quá hạn thanh toán nhiều năm nhưng chưa thu được.
- (iii) Công ty chưa ghi nhận giá trị lợi thế của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/HĐHTKD-HANEL ký với Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng (ngày 10 tháng 10 năm 2016 Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình tại dự án 409 Lĩnh Nam cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Phát triển Nhà và đô thị Thăng Long Việt Nam) với số tiền 15 tỷ VND, nguyên nhân do Dự án đang phát sinh tranh chấp, chưa được UBND thành phố cho phép tiếp tục triển khai dự án. Giá trị lợi thế trên chưa được xác định để tăng vốn Nhà nước khi cổ phần hóa, Công ty sẽ ghi nhận khi nhận được giá trị này.
- (iv) Theo Bản án phúc thẩm số 35/2020/KDTM-PT công bố ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội về việc quyết định: hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 44/2019/KDTM-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Tòa án Nhân dân quận Đống Đa, chuyển toàn bộ hồ sơ cho Tòa án Nhân dân quận Đống Đa giải quyết lại theo thủ tục chung.

Theo đó, Công ty chưa xác định giá trị lợi thế thu được từ diện tích 1.350 m<sup>2</sup> tại tầng 1, tầng lửng và diện tích 126 m<sup>2</sup> của 6 kiot tại Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 Nam Thành Công và văn phòng làm việc, giao dịch của Công ty Điện tử Hà Nội (nay là Công ty Cổ phần Hanel) tại số 165 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội do hai bên hợp tác đầu tư có khiếu nại, tranh chấp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Ngoài số dư chủ yếu với các bên liên quan đã được trình bày tại Thuyết minh số 6, 7, 8, 9, 18, 20, 21, 22 và 23, trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>46.120.628.393</b>	<b>43.004.774.428</b>
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	44.862.308.393	41.399.204.428
Công ty CP Truyền hình số Miền Bắc	1.092.000.000	1.092.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	-	347.250.000
Công ty CP Công nghệ Thè Nacencomm	166.320.000	166.320.000
<b>Mua hàng</b>	<b>837.371.821</b>	<b>179.530.006</b>
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	711.371.821	179.530.006
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	126.000.000	-
Công ty CP Công nghệ Thè Nacencomm	-	-
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>384.458.340</b>	<b>384.458.340</b>
Công ty CP Đầu tư Thạch Bàn	384.458.340	384.458.340
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>83.211.726.082</b>	<b>70.627.240.505</b>
Công ty CP Daeha - Khách sạn Hà Nội Daewoo	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Hệ thống dây Sumi - Hanel	48.980.814.000	35.481.420.000
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	3.180.912.082	4.145.820.505
Công ty CP Sản xuất Gia công & XNK Hanel	600.000.000	400.000.000
Công ty CP Công nghệ Thè Nacencomm	450.000.000	600.000.000

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2.797.938.684</b>	<b>2.426.572.154</b>
Ông Nguyễn Đình Vinh	1.016.457.668	884.166.354
Bà Bùi Thị Hải Yến	974.960.688	837.895.132
Bà Nguyễn Minh Trang	806.520.328	704.510.668

**Thu nhập của Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng:**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>906.698.000</b>	<b>825.838.000</b>
Bà Cao Mai Khanh	487.817.000	451.981.000
Bà Lương Thị Kim Hậu	209.657.000	185.696.000
Bà Phùng Thị Thùy Dung	209.224.000	188.161.000
<b>Thu nhập của Kế toán trưởng</b>	<b>563.369.000</b>	<b>494.815.000</b>
Bà Lữ Thị Khánh Trân	503.088.000	494.815.000
Bà Bùi Thị Lệ Kiều	60.281.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**43. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.



Trần Thu Loan  
Người lập biểu  
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023



Bùi Thị Lệ Kiều  
Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ



Bùi Thị Hải Yến  
Tổng Giám đốc